

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 07/2024/HS-PT
Ngày: 26-01-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt

Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Phan Minh Tâm- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 97/2023/TLPT-HS ngày 23 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo **Nguyễn Phúc Đ** và **Nguyễn Xuân T** do có kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Xuân T** và người bị hại **Nguyễn Thái E** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2023/HS-ST ngày 17-10-2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

1. Nguyễn Phúc Đ, sinh năm: 1997 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: **ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông: **Nguyễn Văn P** và bà **Trần Kim T1**; vợ: Trà My; có 02 người con, lớn sinh năm 2021, nhỏ sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 17/5/2022 cho đến nay, có mặt.

2. Nguyễn Xuân T, sinh năm: 1986 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: **ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông: **Nguyễn Văn N** và bà **Huỳnh Thị Thu T2**; vợ: **Lê Thị Thùy T3**; có 02 người con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án: không; Tiền sự: 01 tiền sự. Ngày 31/12/2021 bị **Ủy ban nhân dân xã T** xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000 đồng về hành vi “Xâm hại sức khỏe của người khác” theo Quyết định số 360/QĐ-UBND (BL 988), nộp phạt ngày 13/01/2022 (BL 993). Bị tạm giam từ ngày 06/9/2022 cho đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Xuân T**: Ông **Huỳnh Minh T4** – Luật sư **Đoàn luật sư tỉnh B**, có mặt;

Người bị hại:

1. Nguyễn Thái E, sinh năm 1991; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, có mặt;
2. Lê Hữu P1, sinh năm 2003; Nơi cư trú: ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre, có mặt;.

Người làm chứng:

1. Võ Thành N1, sinh năm 1997; Nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, có mặt;.
2. Nguyễn Quang V, sinh năm 1998; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, có mặt;.
3. Đỗ Nhựt Q, sinh năm 1999; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, có mặt;
4. Hồ Văn T5, sinh năm 1999; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, có mặt;
5. Lê Văn T6, sinh năm 1988, Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, có mặt;

Đại diện gia đình bị cáo:

1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1968; Nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, có mặt;
2. Bà Huỳnh Thị Thu T2, sinh năm: 1968; Nơi cư trú: Số C, đường B, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 16/01/2022 Nguyễn Thái E điện thoại cho Nguyễn Xuân T hẹn gặp tại Quán cà phê NIC tại ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre để nói chuyện giải quyết mâu thuẫn, sau đó T điện thoại rủ Nguyễn Phúc Đ cùng đi. Khoảng 18 giờ cùng ngày, Nguyễn Xuân T điều khiển xe ô tô biển số 71A-038.36 đến quán B tại ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre rước Nguyễn Phúc Đ, tại đây có bạn của Đ gồm Nguyễn Quang V, sinh năm 1998, cư trú ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; Hồ Văn T5, sinh năm 1999, cư trú ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; Võ Thành N1, sinh năm 1997, cư trú ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre và Đỗ Nhựt Q, sinh năm 1999, cư trú ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Khi đến T nói với Đ đem theo dao và Đ rủ những người bạn cùng đi, Đ vào bếp lấy 01 con dao tự chế cán gỗ, lưỡi bằng kim loại dài khoảng 40cm, có một bề sắc để ở phía trong tay áo bên phải rồi lên xe ô tô ngồi ở vị trí ghế trước bên phải, V, N1, T5 và Quốc ngồi ở hàng ghế sau. Nguyễn Xuân T điều khiển xe ô tô chở tất cả đến Quán C và T đỗ xe trên Quốc lộ F ở bên phần đường đối diện quán NIC, khi xuống xe thì T nói với Đ “con chém nó đi cậu lo hết”, lúc này Nguyễn Phúc Đ hiểu ý của T là đến chém gây thương tích cho Nguyễn Thái E. Khi Nguyễn Xuân T đi bộ qua lộ vào quán NIC tìm Nguyễn Thái E thì

Nguyễn Phúc Đ cầm dao tự chế đi theo phía sau, lúc đến bàn nước bên trái phía ngoài quán T hỏi “có phải T5 không”, có người trả lời “không phải anh ơi” nên T tiếp tục đi vào chòi kế bên, thấy có 03 người đang ngồi nên T đến hỏi “có phải T5 không” thì Nguyễn Thái E trả lời “đúng rồi”, Nguyễn Phúc Đ biết đó là Nguyễn Thái E nên liền đi đến dùng 02 tay cầm dao chém nhiều cái vào người làm Thái E té xuống nền chòi, lúc này Lê Hữu P1, sinh năm 2003, cư trú ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre đứng lên nên bị Đ chém 01 cái trúng vào tay phải, Đ tiếp tục chém nhiều cái trúng vào người Thái E và chém trúng T 01 cái vào tay phải nên T nói “sao mấy đứa chém cậu”, khi Nguyễn Phúc Đ đang chém Nguyễn Thái E thì Nguyễn Quang V và Hồ Văn T5 vào can ngăn kéo Đ rời khỏi quán. Khi ra xe Nguyễn Xuân T bị thương nên V điều khiển xe ô tô chở T, Đ, T5, N1 đi đến Bệnh viện M cấp cứu cho T. Đến khu vực cầu C, thuộc ấp T, xã T, huyện M thì Nguyễn Phúc Đ ném con dao xuống sông. Ngày 27/4/2022 Nguyễn Phúc Đ đến Công an huyện M đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình (BL số 605-611; 621-631; 639-640; 650-651; 706-707; 850; 898-899; 1041-1042; 1070-1071; 1116-1117; 1146).

Vật chứng:

- Nguyễn Xuân T giao nộp:

+ 01 quần tây dài màu xám, phía sau có 02 túi, mỗi túi đều có cúc màu đen có chữ “Classic”.

+ 01 áo sơ mi tay dài, màu xám, bên trong cổ áo có chữ “TH GOOD MEN MADE IN VIETNAM”.

+ 01 đôi giày màu vàng nhạt, dưới đế giày có số 40, bên trong giày có chữ “FASHION XIUXIAN SHOES” màu vàng.

+ 01 nón kết màu xanh đen (BL số 999).

+ 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu xanh rêu, số IMEI1: 865923052505028/00, số IMEI2: 865923053595028/00, gắn SIM số 0387273474 và 0789608132 (BL số 995).

- Nguyễn Thái E giao nộp:

+ 01 áo khoác bằng vải loại tay dài, bên ngoài màu đen, bên trong sọc caro trắng đen, có chữ “AH Style for you MADE IN VIETNAM”.

+ 01 quần ngắn bằng vải màu đen, có lưng bằng thun, mặt sau có túi, mặt trước có chữ “D&G” màu vàng (BL số 1693).

+ 01 điện thoại di động hiệu VIVO màu tím, số IMEI1: 863206057473133, số IMEI2: 863206057473125, gắn SIM số 0382621438 (đã trả cho Nguyễn Thái E) (BL số 1697; 1704).

- Nguyễn Phúc Đ giao nộp:

+ 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu xanh đen, số IMEI1: 357332560484608, số IMEI2: 357332560979607, gắn SIM số 0928783361 (đã trả cho Nguyễn Phúc Đ) (BL số 742; 1709)

- Trần Kim T1 giao nộp:

+ 01 USB màu đen, bên trên có dòng chữ màu trắng “hoco.8GB”, trên cổng kết nối có chữ “TLT/8G 134/2105”, chứa 03 tập tin ghi âm (BL số 311).

- Đối với con dao dùng gây thương tích bị can **Nguyễn Phúc Đ** đã ném mất không thu giữ được (BL số 275-277).

* Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 110/22/TgT ngày 17/6/2022 của Phân Viện pháp y quốc gia tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận đối với **Nguyễn Thái E** như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo kích thước trung bình vùng cẳng tay phải.
- Sẹo kích thước trung bình vùng khuỷu phải.
- Sẹo kích thước nhỏ vùng mu bàn tay phải.
- Sẹo kích thước trung bình vùng mặt trước ngoài cẳng tay trái.
- Sẹo kích thước trung bình vùng mặt sau ngoài cẳng tay trái.
- Sẹo kích thước trung bình vùng hạ sườn trái.
- Sẹo kích thước trung bình đường giữa bụng.
- Sẹo dẫn lưu kích thước nhỏ vùng hố chậu trái.
- Sẹo kích thước lớn vùng đùi trái.
- Thủng dạ dày đã phẫu thuật.
- Gãy xương sườn VIII, IX trái.
- Gãy xương bàn ngón II tay phải.
- Nứt xương đùi trái đoạn 1/3 giữa.
- Tổn thương động mạch cánh tay trái.
- Tổn thương nhánh thần kinh trụ phải.
- Tổn thương nhánh thần kinh giữa trái.
- Tổn thương nhánh thần kinh trụ trái.
- Tổn thương nhánh thần kinh quay trái.
- Tổn thương nhánh cảm giác bì đùi ngoài trái.

2. Kết luận:

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng **Bộ Y** quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân **Nguyễn Thái E** là 71% theo nguyên tắc cộng tại Thông tư.

- Với thương tích trên cơ thể của bị hại **Nguyễn Thái E** có thuộc vùng trọng yếu của cơ thể không?

Không đủ cơ sở trả lời (BL số 133-140).

Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 111/22/TgT ngày 17/6/2022 của Phân Viện pháp y quốc gia tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận đối với **Lê Hữu P1** như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo kích thước trung bình vùng cẳng tay phải.
- Gãy 1/3 xa xương quay phải đã phẫu thuật gây hạn chế vận động cẳng, cổ tay.
- Tổn thương nhánh thần kinh quay phải.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng **Bộ Y** quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân **Lê Hữu P1** là 20% theo nguyên tắc cộng tại Thông tư (BL số 154-158).

* Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 159-622/TgT ngày 10/6/2022 của **Trung tâm pháp y tỉnh B** kết luận đối với **Nguyễn Xuân T** như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương mặt sau cổ tay phải gây gãy kín 1/3 dưới xương trụ phải. Hiện để lại sẹo kích thước 2,5 x 0,3cm, can xương liền tốt, vận động cổ tay phải bình thường.

2. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích của **Nguyễn Xuân T** là 07%, căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của **Bộ Y** để xếp tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể.

- Cơ chế hình thành vết thương do vật sắc nhọn gây ra.

Trách nhiệm dân sự:

- Trong quá trình điều tra bị hại **Nguyễn Thái E** yêu cầu bồi thường các khoản tiền như sau: Chi phí điều trị tại bệnh viện: 32.188.465 đồng; Chi phí tái khám tại bệnh viện: 2.365.300 đồng; Chi phí phẫu thuật khắc phục hậu quả 300.000.000 đồng (chưa phát sinh thực tế do không đủ tiền để thực hiện); Các chi phí khác gồm ăn uống, đi lại 8.200.000 đồng; tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 50 lần mức lương cơ sở 90.000.000 đồng; tiền thuê người chăm sóc con của bị hại trong thời gian nằm viện (bà nội chăm sóc) 10 ngày 2.000.000 đồng; chi phí cấp dưỡng cho con của bị hại đến khi cháu 18 tuổi là 5.000.000 đồng x 10 năm 03 tháng là 615.000.000 đồng; Tiền mất thu nhập của **Thái E** từ ngày 16/01/2022 đến ngày tòa xét xử 174.000.000 đồng; tiền mất thu nhập của vợ **Thái E** 174.000.000 đồng; chi phí cấp dưỡng cho **Thái E** do mất sức lao động từ sau ngày tòa án xét xử đến cuối đời 3.070.000 đồng/tháng theo mức lương tối thiểu vùng hiện nay của **huyện M**. Tổng số yêu cầu là 1.397.753.760 đồng và chi phí cấp dưỡng cho **Thái E** đến cuối đời 3.070.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị hại **Nguyễn Thái E** yêu cầu bồi thường các khoản tiền như sau: Chi phí điều trị tại bệnh viện: 32.188.465 đồng; Chi phí tái khám tại

bệnh viện: 2.365.300 đồng; Các chi phí khác gồm ăn uống, đi lại 8.200.000 đồng; tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 50 lần mức lương cơ sở 90.000.000 đồng; tiền thuê người chăm sóc con của bị hại trong thời gian nằm viện (bà nội chăm sóc) 10 ngày 2.000.000 đồng; Tiền mất thu nhập của **Thái E** từ ngày 16/01/2022 đến ngày tòa xét xử 174.000.000 đồng; tiền mất thu nhập của vợ **Thái E** 174.000.000 đồng; chi phí cấp dưỡng cho **Thái E** do mất sức lao động từ sau ngày tòa án xét xử đến cuối đời 3.070.000 đồng/tháng theo mức lương tối thiểu vùng hiện nay của **huyện M**.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo **Nguyễn Phúc Đ** chỉ đồng ý bồi thường các chi phí khám chữa bệnh tại bệnh viện và các chi phí hợp lý theo quyết định của Hội đồng xét xử.

Trong quá trình điều tra, bị hại **Lê Hữu P1** yêu cầu bồi thường tổng số tiền bồi thường thiệt hại là 250.000.000 đồng, gồm:

Tại phiên tòa sơ thẩm bị hại **Lê Hữu P1** yêu cầu bồi thường tổng số tiền 116.000.000đồng.

Trong quá trình điều tra bị hại **Lê Hữu P1** đã nhận của gia đình bị cáo **Nguyễn Phúc Đ** 10.000.000đồng và đồng ý tiếp tục nhận số tiền 5.000.000đồng mà gia đình **Nguyễn Phúc Đ** giao nộp trong thời gian chuẩn bị xét xử (hiện do Chi cục Thi hành án dân sự tạm giữ) để bồi thường thiệt hại cho bị hại

Bị cáo **Nguyễn Xuân T** không đồng ý bồi thường trách nhiệm dân sự cho bị hại **Nguyễn Thái E** vì cho rằng bị cáo không có tội, bị cáo không phải là người gây thiệt hại cho bị hại **Nguyễn Thái E**. Về phần thiệt hại do bị cáo bị thương tích bị cáo không yêu cầu bồi thường về dân sự.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2023/HS-ST ngày 17/10/2023 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 09/TB-TA ngày 31/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

[1]. Căn cứ điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Phúc Đ**, **Nguyễn Xuân T** phạm “Tội cố ý gây thương tích”.

1.1. Áp dụng điểm d khoản 4 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo **Nguyễn Phúc Đ** 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2022.

1.2. Áp dụng điểm d khoản 4 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134; khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo **Nguyễn Xuân T** 10 (mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/9/2022.

.....

[3]. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự

buộc:

Buộc bị cáo **Nguyễn Phúc Đ** và **Nguyễn Xuân T** phải liên đới bồi thường cho bị hại **Nguyễn Thái E** tổng số tiền là 319.253.765 đồng. Trong đó, tổng số tiền thiệt hại của **Thái E** là 274.253.765 đồng và tiền mất thu nhập của người chăm sóc cho **Nguyễn Thái E** số tiền là 45.000.000 đồng. Bị cáo **Nguyễn Phúc Đ** được khấu trừ số tiền 15.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000075 ngày 22/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc. Buộc bị cáo **Nguyễn Phúc Đ** và **Nguyễn Xuân T** tiếp tục liên đới bồi thường số tiền còn lại là 304.253.765 đồng cho bị hại **Nguyễn Thái E** và buộc bị cáo **Nguyễn Phúc Đ**, **Nguyễn Xuân T** có nghĩa vụ tiếp tục liên đới bồi thường cho bị hại **Nguyễn Thái E** số tiền mất thu nhập là 3.070.000 đồng/tháng. Thời hạn bồi thường tính từ tháng 10/2023 cho đến khi bị hại có khả năng lao động trở lại.

Buộc bị cáo **Nguyễn Phúc Đ** bồi thường cho bị hại **Lê Hữu P1** số tiền 92.000.000 đồng được khấu trừ số tiền 5.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000075 ngày 22/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc và 10.000.000 đồng đã bồi thường trong quá trình điều tra. Buộc bị cáo **Nguyễn Phúc Đ** tiếp tục bồi thường cho bị hại **Lê Hữu P1** số tiền 77.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, lỗi xuất chậm thi hành đối với số tiền phải bồi thường, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 23/10/2023, bị cáo **Nguyễn Xuân T** kháng cáo kêu oan, cho rằng bị cáo không phạm tội, yêu cầu xử lý hình sự những người đã gây thương tích cho bị cáo.

Ngày 31/10/2023, bị hại **Nguyễn Thái E** kháng cáo yêu cầu xét xử các bị cáo “Tội giết người” và kháng cáo phân trách nhiệm dân sự yêu cầu buộc bị cáo **Nguyễn Phúc Đ**, **Nguyễn Xuân T** bồi thường tiền cấp dưỡng cho con bị hại đến 18 tuổi. Ngày 13/11/2023 bị hại kháng cáo bổ sung cho rằng có đồng phạm khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo **Nguyễn Phúc Đ** khai nhận hành vi phù hợp nội dung Bản án sơ thẩm. Bị cáo **Nguyễn Xuân T** không thay đổi yêu cầu kháng cáo và trình bày lời khai cho rằng bị oan.

Bị hại **Thái E** giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, tiếp tục yêu cầu xem xét hai vết thương còn lại là vết thương vai, vết thương đùi và yêu cầu giám định lại.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Xuân T** và bị hại **Nguyễn Thái E** làm trong hạn luật định. Thấy rằng, bị hại có 22 vết thương, giám định 19 vết thương; chưa giám định nếu không cấp cứu kịp thời thì bị hại có thể tử vong hay không; Vết thương ở vai và đùi của bị hại **Thái E** chưa được làm rõ, trong khi áo của bị hại **Thái E** có vết rách, Giấy chứng nhận thương tích không thể hiện nhưng Giấy ra viện lại thể hiện vết thương ở vai; Về camera sau khi điều tra bổ sung lời khai của ông **Trần Văn T7** có mâu thuẫn với lời khai của bà **Tô Thị Á** nhưng chưa cho đối chất; Tại Lò dứa đối diện **quán C** có hay không có camera chưa được làm rõ; Sau khi trả hồ sơ điều tra bổ sung việc

điều tra thực hiện hơn 02 tháng là vi phạm Điều 174 Bộ luật tố tụng hình sự. Do cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ nên cần hủy Bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung. Do hủy bản án nên không xem xét kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Xuân T** và kháng cáo của bị hại **Nguyễn Thái E**. Căn cứ Điều 355; Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự. Hủy Bản án sơ thẩm (số 22/2023/HSST ngày 17-10-2023) của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc để điều tra, xét xử lại theo trình tự thủ tục chung.

Bị cáo **Nguyễn Phúc Đ** không tranh luận;

Người bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Xuân T** thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đưa ra nên không tranh luận gì thêm.

Bị cáo **Nguyễn Xuân T** tranh luận (phản bổ sung): Bị cáo cho rằng bị oan và yêu cầu cho bị cáo tại ngoại.

Bị hại **Nguyễn Thái E** không tranh luận;

Bị hại **Lê Hữu P1** không tranh luận;

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo **Nguyễn Phúc Đ** yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Bị cáo **Nguyễn Xuân T** cho rằng không có tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo bị cáo **Nguyễn Xuân T** và người bị hại **Nguyễn Thái E** làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; các bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Qua diễn biến tại phiên tòa, đề nghị của Kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa, yêu cầu của người bị hại, thấy rằng, quá trình điều tra chưa điều tra làm rõ các tình tiết sau:

- Về thương tích trên người bị hại, tại các bản giám định, Giấy chứng nhận thương tích, Giấy ra viện có mâu thuẫn về thương tích chưa được làm rõ trên người bị hại (**T**) có bao nhiêu vết thương và nguyên nhân dẫn đến có các vết thương, để có Kết luận giám định xác thực;

- Về tình trạng sức khỏe của bị hại (**T**) khi nhập viện thể hiện rất nguy kịch (nặng) (BL 2012) và bị hại cho rằng không cấp cứu kịp thời thì sẽ chết. Chưa được

giám định “Nếu không cấp cứu kịp thời có thể dẫn đến tử vong hay không” để làm cơ sở định tội đối với người thực hiện hành vi phạm tội;

- Cần điều tra thêm đối với Cơ sở dữ liệu diện **quán C** có camera hay không và nội dung thể hiện nếu có;

- Cần đối chất giữa bà **Tô Thị Á** (mẹ của bị hại **Thái E**) với ông **Trần Văn T7** về nội dung đoạn camera mà bà **Á** nêu do ông **T7** cho xem;

- Chưa giám định y khoa về tỷ lệ suy giảm khả năng lao động của bị hại **Thái E** để làm cơ sở buộc bồi thường (mất thu nhập đến khi bị hại có khả năng lao động trở lại) mà bản án sơ thẩm đã buộc.

Do cấp sơ thẩm có thiếu sót, chưa điều tra đầy đủ nên cần hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại theo thủ tục chung.

Do hủy bản án nên không xem xét kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Xuân T** và kháng cáo của bị hại **Nguyễn Thái E**.

[3] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử;

[4] Về án phí: Các bị cáo, bị hại **Thái E** không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Hủy Bản án sơ thẩm số: 22/2023/HS-ST ngày 17-10-2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc. Để điều tra, truy tố, xét xử lại theo trình tự thủ tục chung.

Do hủy Bản án nên không xem xét kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Xuân T** và kháng cáo của bị hại **Nguyễn Thái E**.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo đến khi Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thụ lý lại vụ án;

2. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Phúc Đ, bị cáo Nguyễn Xuân T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị hại Nguyễn Thái E không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc (01b);
- Công an và VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- UBND xã Thành An, huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Bị cáo (2b);
- Người bị hại (1b)
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

Phạm Văn Tỉnh